TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIANG THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2017/QĐST-HNGĐ	*Giang Thành,ngày 10 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2017/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Phố L, Phường H, Quận G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Huỳnh T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng L huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 và điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thu M và bị đơn là ông Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thu M và ông Nguyễn Văn N.

2.2. Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng cháu Nguyễn Quốc X , sinh ngày 24 tháng 11 năm 2002, giới tính: Nam xin được ở với mẹ là bà Huỳnh Thị Thu M. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản chung: Bà M và ông N đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà M và ông N về nghĩa vụ thanh toán nợ chung cho Ngân Mnh Chính sách, cụ thể: Bà Huỳnh Thị Thu M nhận thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng Chính L là 38.000.000 đồng và lãi phát sinh khi đến hạn trả nợ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng L cũng đồng ý cho bà M thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn trả nợ.

2.4. Về án phí sở thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Huỳnh Thị Thu M và ông Nguyễn Văn Q mỗi người phải chịu ½ số tiền án phí sơ thẩm 150.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Thu M chịu toàn bộ án phí 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà M được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004746 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Phước Lộc